TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy và Ông Nguyễn Bá Lý

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về việc *tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 66/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2023, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 862/TB-TA, ngày 26/7/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Bá H, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Hẻm 58X Nguyễn Viết X, tổ 5, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 58X Nguyễn Viết X, tổ 5, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 03 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là anh Vũ Bá H trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đỗ Thị T tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào năm 2010. Thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 đến nay vợ chồng tôi có nhiều mâu thuẫn, không hòa hợp vì bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ 4 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên tôi đề nghị được ly hôn với chị Đỗ Thị T.

* Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và chị T có một con chung là

cháu Vũ Gia H1, sinh ngày 06/4/2008. Ly hôn, tôi đồng ý để chị Đỗ Thị T được nuôi con; tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ ngày 14/8/2023 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

* Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Bị đơn chị Đỗ Thị T vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng nên không có lời khai tại hồ sơ.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh H được ly hôn với chị T. Giao cháu H1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Buộc anh H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Anh Vũ Bá H và chị Đỗ Thị T tự nguyện yêu thương đăng ký kết hôn vào năm 2010, tại Ủy ban nhân dân phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quan hệ giữa anh H và chị T được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay anh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn chị Đỗ Thị T, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng chị T vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm túc, không chấp hành đầy đủ pháp luật, từ bỏ quyền tự bảo vệ mình. Tại phiên tòa hôm nay chị T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm, không tôn trọng nhau, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, cãi vã, không còn tình cảm vợ chồng. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì chị Đỗ Thị T vẫn có hộ khẩu và sinh sống cư trú tại địa phương, nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thì địa phương không nắm được vì họ không báo. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập chị T đến Tòa trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng chị T không chấp hành, điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt, đã từ bỏ quyền chứng minh phản đối yêu cầu khởi kiện, bỏ mặc không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai vợ chồng. Anh H xin ly hôn chị T không phản đối và không có ý kiến gì, hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 4 năm, mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không có đời sống chung, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho anh H được ly hôn với chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh Vũ Bá H và chị Đỗ Thị T có một con chung là cháu Vũ Gia H1, sinh ngày 06/4/2008 (Nguyện vọng sống với mẹ). Anh H đồng ý để chị T được nuôi con chung chị T vắng mặt, không có lời khai tại hồ sơ thể hiện nguyện vọng nuôi con. HĐXX xét thấy việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của vợ, chồng, nhưng căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, phù hợp với thực tế chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng con và nguyện vọng của con; nên HĐXX xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu H1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T để nuôi cháu H1, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày 14/8/2023 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Vũ Bá H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Anh Vũ Bá H tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Bá H.

1.Về hôn nhân: Cho anh Vũ Bá H được ly hôn với chị Đỗ Thị T.

2.Về con chung: Anh Vũ Bá H và chị Đỗ Thị T có một con chung là cháu Vũ Gia H1, sinh ngày 06/4/2008 (Nguyện vọng sống với mẹ).

Giao cháu H1 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ghi nhận việc anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T để nuôi cháu H1, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ ngày 14/8/2023 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Anh Vũ Bá H tự nguyện nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000030, ngày 27/03/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh H còn tiếp tục nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND TP.P;
-Các đương sự;
-THA DS TP.P (Để thi hành);
-UBND phường Yên Đ,
thành phố P, tỉnh Gia Lai
(số 04, quyển số 01, ngày 18/01/2010);
-Lưu.

Hoàng Văn Tiến